

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN P**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/5/2020  
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Trần Thanh Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thu Y**, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ X, ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Lê Văn U**, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ X, ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu Y trình bày:* bà và ông Lê Văn U kết hôn với nhau vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông U không quan tâm chăm lo vợ con, thường uống rượu say xỉn, đánh đập vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà. Năm 2017, bà có trình báo với địa phương về hành vi đánh đập, xua đuổi vợ con của ông U, khi đó ông U hứa sẽ thay đổi, nhưng đến nay tình hình vẫn không được cải thiện.

Hiện nay, bà và các con phải thuê nhà trọ để sinh sống. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông U. Ông bà có 02 người con chung là Lê Yến N (nữ) sinh ngày 09/12/2008 và Lê Vũ P (nữ) sinh ngày 25/5/2001, bà yêu cầu nuôi con là Yến N và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị Thu Y và ông Lê Văn U xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/UT ngày 24/11/2000 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 23/10/2019 bà Y yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông Lê Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày của bà Y, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông U thường xuyên nhậu nhẹt, bạo hành vợ con, không quan tâm lo lắng gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Phía ông U đã biết việc khởi kiện xin ly hôn của bà Y, nhưng ông U không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án tham dự các phiên hòa giải, xét xử, cho thấy ông U đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Mặt khác, thời gian ông U và bà Y ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y.

[4] Về con chung, bà Y, ông U có hai người con chung tên Lê Yến N (nữ) sinh ngày 09/12/2008 và Lê Vũ P (nữ) sinh ngày 25/5/2001. Lê Vũ P đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Y yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu N chung sống với mẹ nên giao cháu N cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **TuY xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu Y với ông Lê Văn U.

- *Về con chung*: Lê Vũ P (nữ) sinh ngày 25/5/2001 đã thành niên; giao Lê Yến N (nữ) sinh ngày 09/12/2008 cho bà Y nuôi dưỡng. Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông U, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Y nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017285 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).

***Liêng Thị Hồng Hoa***